

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:13/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-3-2021  
*Về việc tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Triều;

2. Ông Huỳnh Phú Ba;

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020; Về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân P, huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Châu Văn L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân P, huyện C, tỉnh Đ.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị T và ông Châu Văn L quen biết nhau rồi sống chung từ năm 1990, mặt dù cha mẹ hai bên không đồng ý. Sau đó, vợ chồng thiết phục được cha mẹ cho tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời

gian chung sống bà T và ông L không hợp tính tình và thường hay cự cãi với nhau dần dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách không thể hạnh phúc được nữa. Sau đó, bà T bỏ đi về cha mẹ sinh sống từ năm 1999 đến nay. Hiện nay, ông L có gia đình riêng nên bà T quyết định ly hôn ông L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Ngô Thành Gi, sinh ngày 11/11/1999, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ bị đơn ông Châu Văn L trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà T quen biết nhau rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn; Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do ông L không thường xuyên ở nhà phải đi làm công việc liên tục. Từ đó, bà T buồn nên đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ năm 1999 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nên ông L đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Ngô Thành Gi, sinh ngày 11/11/1999 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống, được không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L trình bày không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:* Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị T với ông Châu Văn L. Về con chung có 01 con chung tên Châu Ngô Thành Gi, sinh ngày 11/11/1999, đã trưởng thành tự lao động sinh sống, không giải quyết. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện của bà Ngô Thị T thì bà và ông Châu Văn L chung sống với nhau vào năm 1990, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị T và bị đơn ông Châu Văn L đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện C nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà Ngô Thị T và ông Châu Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 1999 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và kéo dài, ngày một tăng lên, bà T đã bỏ đi về cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông Châu Văn L phải đi làm việc liên tục xa nhà không có thời gian lo cho vợ, con rồi từ đó vợ chồng ly thân và tình cảm hiện nay không còn yêu thương bà T nữa;

Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Để có cuộc hôn nhân hạnh phúc cả hai phải có sự trân trọng, yêu thương, cảm thông, chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống. Ngoài ra, phải có sự hòa thuận, thương yêu của các thành viên trong gia đình. Thế nhưng, do ông L không tôn trọng tình cảm để gìn giữ hạnh phúc gia đình làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Đồng thời, ông L cũng đồng ý ly hôn với bà T vì không thể giải quyết được mâu thuẫn giữa vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai cũng thống nhất ly hôn; Do đó, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị T và ông Châu Văn L.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Ngô Thành Gi, sinh ngày 11/11/1999, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C: Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của nội dung vụ án nên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39,

Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị T và ông Châu Văn L.

2. Về nuôi con chung: Châu Ngô Thành Gi, sinh ngày 11/11/1999, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008141 ngày 02-11-2020 được trừ vào án phí phải nộp.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Tân P;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã Ký)**

**Nguyễn Thanh Hùng**

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Hùng**